

KẾ HOẠCH KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂM HỌC 2022-2023
BỘ MÔN: HÓA HỌC

A. KHỐI 10

I. Kiểm tra thường xuyên

1. Học kỳ I

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra, đánh giá | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|------------------|------------------------------|-------------------------------|----------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Tổng cộng | | | 3 |

2. Học kỳ II

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|------------------|--------------------|-------------------------------|----------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Tổng cộng | | | 3 |

3. Điểm Cụm chuyên đề lựa chọn (nếu có)

| Chuyên đề | Thời điểm | Hình thức kiểm tra, đánh giá | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|-----------|-----------|------------------------------|-------------------------------|----------------------|
|-----------|-----------|------------------------------|-------------------------------|----------------------|

| | | | | |
|---|------------------|----------------------------|--------------------|---|
| 1 | Tuần 10 (HK1) | Sản phẩm hoặc thuyết trình | Theo thang điểm 10 | HS lựa chọn 1 trong các điểm kiểm tra, đánh giá |
| 2 | Tuần 2 (HK2) | Bài viết trên giấy | Theo thang điểm 10 | |
| 3 | Tuần 17 (HK2) | Bài viết trên giấy | Theo thang điểm 10 | |

* **Lưu ý:** Học sinh được lựa chọn kết quả của 01 lần kiểm tra, đánh giá trong số các chuyên đề để làm kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập. Kết quả đánh giá của cụm chuyên đề học tập của môn học được tính là một lần đánh giá thường xuyên của môn học đó.

II. Kiểm tra định kỳ

| Các kỳ kiểm tra | Thời điểm | Tổ chức kiểm tra | Các lớp áp dụng | Hình thức kiểm tra |
|--------------------|------------|------------------|-----------------|------------------------|
| Kiểm tra giữa HKI | Tuần 7, 8 | Tại lớp | Tổ hợp XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Tổ hợp TN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKI | Tuần 15,16 | Tại lớp | Tổ hợp XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Tổ hợp TN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra giữa HKII | Tuần 7,8 | Tại lớp | Tổ hợp XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Tổ hợp TN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKII | Tuần 14,15 | Tại lớp | Tổ hợp XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Tổ hợp TN | Tự luận và trắc nghiệm |

* **Lưu ý:** Học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung (theo từng học kỳ). Nếu học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá ở mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

B. KHỎI 11

I. Kiểm tra thường xuyên

1. Học kỳ I

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra, đánh giá | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|------------------|---------------------------------------|---|----------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra bài tập về nhà và chuyên cần | Theo thang điểm 10 (theo tỉ lệ: 20% chuyên cần, 80% tinh thần tự học) | 1 |
| Tổng cộng | | | 3 |

2. Học kỳ II

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|------------------|---------------------------------------|---|----------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra bài tập về nhà và chuyên cần | Theo thang điểm 10 (theo tỉ lệ: 20% chuyên cần, 80% tinh thần tự học) | 1 |
| Tổng cộng | | | 3 |

II. Kiểm tra định kỳ

| Các kỳ kiểm tra | Thời điểm | Tổ chức kiểm tra | Các lớp áp dụng | Hình thức kiểm tra |
|-------------------|-------------|------------------|-----------------|------------------------|
| Kiểm tra giữa HKI | Tuần 7, 8 | Tại lớp | Ban KHXH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban KHTN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKI | Tuần 15, 16 | Tại lớp | Ban KHXH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban KHTN | Tự luận và trắc nghiệm |

| | | | | |
|--------------------|------------|-----------|--------|------------------------|
| Kiểm tra giữa HKII | Tuần 7,8 | Tại lớp | Ban XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban TN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKII | Tuần 14,15 | Tại lớp | Ban XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban TN | Tự luận và trắc nghiệm |

* **Lưu ý:** Học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung (theo từng học kỳ). Nếu học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá ở mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

C. KHỐI 12

I. Kiểm tra thường xuyên

1. Học kỳ I

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra, đánh giá | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|------------------|---------------------------------------|---|------------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra bài tập về nhà và chuyên cần | Theo thang điểm 10 (theo tỉ lệ: 20% chuyên cần, 80% tinh thần tự học) | 1 |
| Lần 4 | Kiểm tra trên giấy (TN) | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Tổng cộng | | | XH(3) TN(4) |

2. Học kỳ II

| Số lần kiểm tra | Hình thức kiểm tra | Cách thức chấm điểm, lấy điểm | Số ĐĐG _{tx} |
|-----------------|---------------------------------------|---|----------------------|
| Lần 1 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 2 | Kiểm tra trên giấy | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Lần 3 | Kiểm tra bài tập về nhà và chuyên cần | Theo thang điểm 10 (theo tỉ lệ: 20% chuyên cần, 80% tinh thần tự học) | 1 |

| | | | |
|------------------|-------------------------|--------------------|------------------------|
| Lần 4 | Kiểm tra trên giấy (TN) | Theo thang điểm 10 | 1 |
| Tổng cộng | | | XH(3) TN(4) |

II. Kiểm tra định kỳ

| Các kỳ kiểm tra | Thời điểm | Tổ chức kiểm tra | Các lớp áp dụng | Hình thức kiểm tra |
|--------------------|------------|------------------|-----------------|------------------------|
| Kiểm tra giữa HKI | Tuần 7, 8 | Tại lớp | Ban KHXXH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban KHTN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKI | Tuần 15,16 | Tại lớp | Ban KHXXH | Trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban KHTN | Trắc nghiệm |
| Kiểm tra giữa HKII | Tuần 7,8 | Tại lớp | Ban XH | Tự luận và trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban TN | Tự luận và trắc nghiệm |
| Kiểm tra cuối HKII | Tuần 14,15 | Tại lớp | Ban XH | Trắc nghiệm |
| | | Tập trung | Ban TN | Trắc nghiệm |

* **Lưu ý:** Học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá đủ số lần theo quy định nếu có lý do bất khả kháng thì được kiểm tra, đánh giá bổ sung (theo từng học kỳ). Nếu học sinh không tham gia kiểm tra, đánh giá bổ sung theo quy định thì được đánh giá ở mức Chưa đạt hoặc nhận 0 (không) điểm đối với lần kiểm tra, đánh giá còn thiếu.

TỔ TRƯỞNG BỘ MÔN



Lai Hữu Sang

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Quốc Phong